

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28/2019/DS-ST**

Ngày: **11-10-2019**

V/v tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. **Bà Ngô Thị Lệ Nga.**
2. **Ông Dư Thanh Hưng.**

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Êm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày **11** tháng **10** năm **2019**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **230/2018/TLST-DS** ngày **07** tháng **12** năm **2018**, về tranh chấp **ranh giới quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm**, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **84/2019/QĐXXST-DS** ngày **05** tháng **9** năm **2019**, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh T, năm sinh 1974, địa chỉ cư trú: ấp A, xã 1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; **có mặt.**

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà N, năm sinh 1957, địa chỉ cư trú: ấp A, xã 1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; **vắng mặt.**

2.2. Anh H, năm sinh 1987, địa chỉ cư trú: ấp A, xã 1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; **vắng mặt.**

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông B, năm sinh 1941, trú tại: đường 3, khóm X, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn N và H (các Văn bản ủy quyền xác nhận ngày 18 tháng 12 năm 2018 và 04 tháng 01 năm 2019); **có mặt**.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà N: Ông B1 là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp - Chi nhánh số 2; **có mặt**.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà G, sinh năm 1952; có đơn đề nghị vắng mặt;

3.2. Chị H1, sinh năm 1981; vắng mặt;

3.3. Chị T1, sinh năm 20/5/2000; vắng mặt;

3.4. K, sinh ngày 26/9/2004; vắng mặt;

3.5. Chị L, sinh năm 1980; có đơn đề nghị vắng mặt;

3.6. Anh T2, sinh năm 1983; vắng mặt;

3.7. Chị L1, sinh năm 1993; vắng mặt;

3.8. Chị N1, sinh năm 1990; vắng mặt;

3.9. Anh B2, sinh năm 1990; vắng mặt;

3.10. Bà C, sinh năm 1951; vắng mặt;

3.11. Anh B3, sinh năm 1970; vắng mặt;

3.12. Anh B4, sinh năm 1988; vắng mặt;

3.13. Ông K1, sinh năm 1942; có mặt;

Tất cả cùng địa chỉ cư trú: ấp A, xã 1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3.14. Anh P, sinh năm 1966, địa chỉ cư trú: ấp C, xã 1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có đơn đề nghị vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh T và chị H1 là người đại diện theo pháp luật của K (là cha mẹ).

Anh T là người đại diện theo ủy quyền của chị H1 và T1 (Các văn bản ủy quyền xác nhận cùng ngày 11 tháng 7 năm 2019); **có mặt**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh T trình bày:

Nguồn gốc đất đang tranh chấp chiều ngang 1,5m, chiều dài 74m, diện tích

111m², thuộc thửa 48, tờ bản đồ số 9, đất tọa lạc tại xã 1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, là của cha ruột tên L2 mua của ông V vào năm 1994 (Tổng diện tích đất cha anh mua của ông V là 1.087m², thuộc thửa 48, tờ bản đồ số 9, xã 1) và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cha anh đứng tên. Năm 2004, cha anh chết, anh nhận thừa kế và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23 tháng 4 năm 2004.

Năm 2017, anh làm đơn kiện anh H và bà N đến Ủy ban nhân dân xã 1 với nội dung yêu cầu Ủy ban buộc anh H và bà N trả lại lối đi chung có diện tích 111m² (đất ở nông thôn), thuộc thửa 48, tờ bản đồ số 9, xã 1. Buổi hòa giải có nội dung như sau: Các bên thống nhất đo đạc lại ranh đất và đồng ý xuống trụ ranh.

Ngày 10 tháng 11 năm 2017, Đoàn công tác Ủy ban nhân dân xã 1 ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận và xuống trụ ranh giữa anh với bà N, anh H. Theo đó, mặt trước cặp lộ làng đo từ ranh trên xuống đến ranh dưới giáp với anh H chiều ngang đất của anh là 16,65m và chiều ngang sau hậu đo tương tự chiều ngang vẫn là 16,65m. Hai bên xuống trụ đá khoảng 07 cây và căng luôn lưới B40, hai bên còn cam kết không ai được lấn ranh hay tranh chấp về sau.

Ngày 28 tháng 7 năm 2018, anh làm đơn gửi đến Ủy ban nhân dân xã 1 với nội dung: Yêu cầu anh H và bà N di dời cây trồng và vật kiến trúc trên đất đi chỗ khác trả lại cho anh phần đất có chiều ngang 1,5m, chiều dài 74m, diện tích 111m², do anh H và bà N lấn qua ranh đất của anh bằng cách: Nhổ trụ đá, cuốn lưới B40 (làm ranh giữa hai bên) của anh đem về nhà bà N và tự ý đem trụ đá chôn qua phần đất của anh làm ranh.

Ngày 07 tháng 9 năm 2018, Ủy ban nhân dân xã 1 mời các bên đến để làm việc, buổi hòa giải có nội dung như sau: Anh yêu cầu phía bà N, anh H thực hiện theo biên bản xuống trụ ranh ngày 10 tháng 11 năm 2017, còn phía bà N và anh H thì yêu cầu đo đạc lại phần đất của anh và bà N, nói đất của anh chỉ có 15,5m chiều ngang thì bà đồng ý, nếu anh không đồng ý theo yêu cầu của bà N thì bà chuyển vụ việc lên cấp có thẩm quyền. Chính vì hai bên không thống nhất quan điểm với nhau nên buổi hòa giải không thành. Anh nhận thấy yêu cầu của bà N và anh H là vô lý, không có căn cứ vì đất của anh được cấp giấy chứng nhận năm 2004, có đo đạc thực tế, có ranh rõ ràng và anh sử dụng ổn định từ lúc cha anh mua của ông V cho đến nay.

Khi khởi kiện anh yêu cầu bà N và anh H di dời cây trồng trên đất và vật kiến trúc trả lại cho anh phần đất chiều ngang 1,5m, chiều dài 74m, diện tích 111m², khi đo đạc bà N lấn qua ranh thực tế có khác, nên nay anh yêu cầu cho đúng thực tế chiều ngang phía giáp đường nhựa là 02m, phía giáp ruộng nước là 1,78m, chiều dài cạnh giáp đất anh 72,9m, cạnh giáp đất bà N, anh H là 72,7m, diện tích 137,9m². Đối với phần nhà của anh B2 đang tồn tại trên đất, anh chưa

có yêu cầu di dời, thống nhất cho tồn tại trên đất, còn cây cối thì yêu cầu di dời. Yêu cầu bà N bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm gồm 07 cây trụ đá và 90kg lưới B40 (cao 1,5m, dài 30m), tổng giá trị là 1.788.000đ (Một triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Việc bà N yêu cầu phản tố yêu cầu anh bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm gồm 03 cây xoài giá 6.000.000đ, 03 cây mít giá 3.000.000đ và 03 cây dừa giá 1.500.000đ, tổng số tiền 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng) anh không chấp nhận vì những cây này là do cháu bà N tên N1 chặt lúc Ủy ban xã xuống trụ ranh, chứ không phải do anh chặt nên anh không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà N.

Bị đơn, bà N và anh H do ông B đại diện, trình bày: Về nguồn gốc đất là của cha mẹ bà N tên K2, sinh năm 1912, chết năm 1965 và mẹ là H2, sinh năm 1920, chết năm 1986. Cha mẹ bà N có 05 người con, sau khi chết có để lại di sản đất. Bà N được hưởng đất ở nông thôn, chiều ngang 13m, chiều dài 30m, diện tích là 390m². Bà N quản lý sử dụng liên tục, có xây dựng căn nhà ở và trồng cây ăn trái như: 03 cây xoài, 03 cây mít, 03 cây dừa hiện đang cho trái. Diện tích đất của bà N chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngoài diện tích đất cha mẹ chết để lại cho em bà N là G2 được hưởng. Ngày 28 tháng 10 năm 2003 Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 5.546m² cho G2.

Anh T mua đất của ông V có chiều ngang 15m cấp lộ nông thôn, giáp đất bà N. Ông V sang nhượng cho anh T có làm giấy tay sang nhượng và bà N có ký tên giáp ranh. Vào năm 2003 anh T được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lúc này không có tranh chấp ranh đất là vì đúng vị trí ngang 15m. Nay bà N mới biết được anh T làm thủ tục chuyển đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ năm 2003 lại được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới lần qua năm chồng lên phần đất ở của bà N có chiều ngang 1,35m chạy dài xô xong 30m. Lúc này bà N có làm đơn khiếu nại đến ấp và xã giải quyết không thành. Nội vụ được chuyển lên Ủy ban nhân dân huyện thụ lý giải quyết. Ngày 10 tháng 11 năm 2017 Ủy ban nhân dân xã 1 ngang nhiên thành lập tổ công tác tiến hành thực hiện biên bản ngày 16 tháng 3 năm 2017 xuống trụ đá giao đất cho T còn chặt đốn cây của bà N đang hưởng quả như: 03 cây xoài, 03 cây mít, 03 cây dừa.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018, bà N có làm đơn khiếu nại gửi lên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H về việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ T trái pháp luật (Lẽ ra Ủy ban nhân dân huyện H mời người khiếu nại, người bị khiếu nại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm rõ nội dung khiếu nại, yêu cầu của bà N và hướng giải quyết khiếu nại, nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H không thực hiện). Lẽ ra trước khi ban hành văn bản số 1158/UBND-HC, ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện H phải tổ chức đối thoại

bà N với người bị khiếu nại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ nội dung việc Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ T là trái pháp luật nhưng Ủy ban nhân dân huyện đã không thực hiện. Do đó, việc ban hành văn bản số 1158/UBND-HC, ngày 17 tháng 10 năm 2018 hướng dẫn bà N liên hệ Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự giải quyết là chưa đảm bảo trình tự, thủ tục quy định.

Bà N không chấp nhận yêu cầu của anh T về việc yêu cầu bà N di dời cây trồng trên đất và vật kiến trúc trả lại cho anh T phần đất chiều ngang phía giáp đường nhựa là 02m, phía giáp ruộng nước là 1,78m, chiều dài cạnh giáp đất anh T 72,9, cạnh giáp đất bà N, anh H là 72,7m, diện tích 137,9m², thuộc thửa 48, tờ bản đồ số 09, xã 1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, do anh T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà N yêu cầu phản tố, bà N yêu cầu anh T bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm gồm 03 cây xoài giá 6.000.000đ, 03 cây mít giá 3.000.000đ và 03 cây dừa giá 1.500.000đ, tổng số tiền 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng).

Anh H cũng không đồng ý trả lại đất cho anh T phần đất chiều ngang phía giáp đường nhựa là 02m, phía giáp ruộng nước là 1,78m, chiều dài cạnh giáp đất anh T 72,9, cạnh giáp đất bà N, anh H là 72,7m, diện tích 137,9m², thuộc thửa 48, tờ bản đồ số 09, xã 1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, do anh T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh H cho rằng phần đất này đã được gia đình anh sử dụng trên 60 năm nay và đã bán một phần cho ông P1 (đã chết), hiện tại là anh B2 (con ông P1) đang sử dụng từ năm 1985 đến nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông K1 trình bày: Ông không có bà con họ hàng và mâu thuẫn gì với gia đình anh T, bà N, anh H. Ông với gia đình anh T, bà N, anh H chỉ là hàng xóm với nhau. Ông sống ở đây từ lúc nhỏ đến giờ. Ông là con của cụ V, người bán đất cho gia đình anh T. Ông không nhớ cha ông bán đất vào năm nào, chỉ nhớ là lâu lắm rồi, trên 30 năm nay. Đất của cha ông có chiều ngang 17m, chiều dài chạy từ mé sông tới lộ ĐT841. Lúc bán đất cha ông và gia đình anh T không có đo đạc vì đã có trụ ranh sẵn từ xưa đến giờ. Ông không biết đất của bà N có chiều ngang bao nhiêu, chiều dài cũng chạy dài từ mé sông tới lộ ĐT841, ông biết đất của bà N là do ông bà từ xưa để lại chứ không có mua bán của ai hết. Đối với cây dừa ông không chấp nhận di dời.

* Phần các đương sự không thống nhất được:

1. Nguyên đơn anh T yêu cầu về tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất, yêu cầu bà N và anh H di dời cây trồng trên đất và vật kiến trúc trả lại cho anh phần đất chiều ngang phía giáp đường nhựa là 02m, phía giáp ruộng nước là 1,78m, chiều dài cạnh giáp đất anh 72,9m, cạnh giáp đất bà N, anh H là 72,7m, diện tích 137,9m², thuộc thửa 48, tờ bản đồ số 09, xã 1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Đối với phần nhà của anh B2 đang tồn tại trên đất anh chưa có yêu cầu di dời, thống nhất cho tồn tại trên đất, còn cây cối thì yêu cầu di dời. Đối với cây dừa của ông K1 thống nhất cho tiếp tục tồn tại trên đất, không có yêu cầu di dời. Yêu cầu về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm, yêu cầu bà N bồi thường thiệt hại gồm 07 cây trụ đá và 90kg lưới B40 (cao 1,5m, dài 30m), tổng giá trị là 1.788.000đ (Một triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Ông B đại diện bị đơn bà N và anh H không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn anh T. Nếu nhà của anh T lấn qua phần ranh của bà N và anh H chỉ ranh thì thống nhất cho tiếp tục tồn tại trên đất không phải di dời. Còn lại các vật kiến trúc, vật khác, cây cối của anh T và ông K1 thì phải di dời hết.

Ông K1 không chấp nhận di dời cây dừa trên đất. Nếu Tòa án giải quyết cây dừa lấn qua ranh đất của bà N, anh H thì ông chấp nhận đôn luôn, còn nếu trên đất của anh T cho tồn tại thì ông không di dời.

2. Ông B đại diện bị đơn bà N yêu cầu phản tố, yêu cầu anh T bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm gồm 03 cây xoài giá 6.000.000đ, 03 cây mít giá 3.000.000đ và 03 cây dừa giá 1.500.000đ, tổng số tiền 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng).

Anh T không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn N.

* Ngày 26 tháng 8 năm 2019, bà N có đơn xin rút lại phần yêu cầu bồi thường thiệt hại 03 cây xoài, 03 cây mít và 03 cây dừa, tổng số tiền 10.500.000đ.

* Ngày 03 tháng 9 năm 2019, anh T có đơn xin rút lại phần yêu cầu bồi thường thiệt hại gồm 07 cây trụ đá và 90kg lưới B40 (cao 1,5m, dài 30m), tổng giá trị là 1.788.000đ.

Ông B1 trình bày ý kiến tranh luận: Tại phiên tòa, các đương sự đã thỏa thuận được ranh đất và toàn bộ các vấn đề phải giải quyết trong vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về ranh giới quyền sử dụng đất và tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại các khoản 6 và 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013.

[2] Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b, đ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, đại diện bị đơn giữ nguyên việc bị đơn N rút lại yêu cầu phản tố và việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đương sự đã rút, theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Đồng thời, anh T và ông B cũng đã thỏa thuận được việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể: Về ranh đất là đi qua 3 mốc: mốc R1 là mốc ranh mới thỏa thuận tại phiên tòa, cách điểm M1 là 01m, cách điểm M6 là 01m, mốc R2 là điểm TĐX3 và mốc R3 là điểm TĐX1; Về án phí: anh T và anh H mỗi người chịu 150.000đ (bà N được miễn); Chi phí đo đạc, định giá: anh T chịu 2.434.000đ, bà N và anh H liên đới trả lại cho anh T 1.000.000đ. Xét, sự thỏa thuận của các đương sự là không trái quy định của pháp luật nên công nhận. Tuy nhiên, sự thỏa thuận này có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đang sống cùng hộ có liên quan đến ranh đất tranh chấp nên cần phải ra Bản án để họ có quyền kháng cáo theo quy định chung.

[5] Kiểm sát viên và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của đương sự là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 144, 147, 157, 158, 165, 166, **212, 213, 217, 227, 228, 235, 244 và 246** của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 175 và 176 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 95, 99, 100, 179 và 203 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 12 và 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm gồm 07 cây trụ đá và 90kg lưới B40 (cao 1,5m, dài 30m), tổng giá trị 1.788.000đ của nguyên đơn T đã rút.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm gồm 03 cây xoài, 03 cây mít và 03 cây dừa, tổng số tiền 10.500.000đ của bị đơn N đã rút.

3. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

3.1. Về nội dung tranh chấp: Ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của hộ ông T tại thửa số 48 với đất của hộ ông H, bà N, tại các thửa số 730, 731, 941 là các đoạn thẳng nối qua các mốc R1 (là mốc các đương sự mới thỏa thuận tại phiên tòa), R2 (là mốc TĐX3) và R3 (là mốc TĐX1), đất tại ấp 1, xã 1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Ranh đất được sử dụng theo chiều thẳng đứng tính từ lòng đất đến không gian, tài sản của các bên lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp luật (kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; Mảnh trích đo địa chính số 02/2019 ngày 03 tháng 4 năm 2019 và Sơ đồ thể hiện bổ sung ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Đồng Tháp).

3.2. Về án phí: Anh T chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số BG/2015 0004108 ngày 07 tháng 12 năm 2018 và 300.000đ theo lai thu số BG/2015 0004295 ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; được nhận lại 450.000đ. Anh H chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà N được miễn nộp án phí.

4. Về chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn anh T đã tạm ứng chi phí đo đạc, định giá 3.434.000đ, anh T chịu 2.434.000đ. Bà N và anh H liên đới trả lại cho anh T số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

5. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/10/2019); đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú